

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành Luật Thi hành án dân sự năm 2008

Thực hiện theo Quyết định số 2863/QĐ-BTP ngày 19/11/2013 của Bộ Tư Pháp về việc ban hành Kế hoạch tổng kết thi hành Luật thi hành án dân sự năm 2008; Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng báo cáo tổng kết thi hành Luật Thi hành án dân sự năm 2008, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ SỰ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2008

1. Việc bảo vệ quyền, lợi ích của Nhà nước, tổ chức, công dân trong quan hệ pháp luật thi hành án dân sự

Thi hành án là hoạt động nhằm bảo đảm các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án được đưa ra thi hành kịp thời, có hiệu quả, bảo đảm tính nghiêm minh của các phán quyết và hiệu lực của quyền tư pháp. Bản án, quyết định của Tòa án và các quyết định khác chỉ thực sự có giá trị khi được thi hành trên thực tế. Hoạt động thi hành án là công đoạn làm cho bản án, quyết định của Tòa án được chấp hành, góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và Nhà nước, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

2. Sự ổn định và phát triển của công tác thi hành án dân sự nói riêng, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung

Luật thi hành án dân sự được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 14/11/2008 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2009 có ý nghĩa hết sức quan trọng liên quan đến hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng, là cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc tổ chức thi hành án dân sự, khắc phục được những hạn chế, bất cập mà trước đây Pháp lệnh Thi hành án dân sự chưa quy định hoặc những quy định đó không còn phù hợp; tạo ra hành lang pháp lý thông thoáng đối với các cơ quan thi hành án dân sự và Chấp hành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của mình. Qua hơn 04 năm triển khai Luật Thi hành án dân sự năm 2008, nhiều quy định của Luật Thi hành án dân sự đã đi vào cuộc sống, bước đầu giảm bớt số lượng án tồn đọng, phát huy vai trò tích cực, từng bước nâng cao hiệu quả của công tác thi hành án, nâng cao vị thế, vai trò, chức năng của cơ quan Thi hành án dân sự.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện nhận thấy, Luật Thi hành án dân sự còn vướng phải một số bất cập, mâu thuẫn chồng chéo...dẫn đến gặp không ít khó khăn cho các cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên tổ chức thực hiện.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2008

1. Những bất cập và hạn chế trong quy định của Luật Thi hành án dân sự

1.1. Quy định về xác minh điều kiện thi hành án

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 44 thì thời hạn xác minh trong thi hành án chủ động là 10 ngày; quy định này trong quá trình áp dụng có một số bất cập như sau:

Theo Điều 45 Luật Thi hành án dân sự, thời hạn tự nguyện thi hành án là 15 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án. Như vậy, trường hợp đương sự tự nguyện thi hành án thì kết quả xác minh của chấp hành viên không có giá trị. Mặt khác, qua kết quả xác minh xác định người phải thi hành án không có điều kiện thi hành, nếu ra quyết định hoãn thi hành án thì không phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự do chưa hết thời gian tự nguyện thi hành án.

Việc đảm bảo thời hạn xác minh theo quy định hiện hành là vấn đề rất khó thực hiện trên thực tế, nhất là đối với các cơ quan Thi hành án dân sự có số lượng việc thi hành án nhiều hoặc trường hợp Tòa án thực hiện việc chuyển giao bản án, quyết định theo từng đợt.

1.2. Quy định về miễn, giảm

Theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 61 thì một trong những điều kiện để được miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước là người phải thi hành án phải thi hành được một phần nghĩa vụ. Quy định này rất khó thực thi vì rất nhiều vụ việc đủ điều kiện về thời gian nhưng người phải thi hành án không có khả năng thi hành dù khoản tiền rất nhỏ, gia đình người phải thi hành án thuộc hộ nghèo ở địa phương hoặc người phải thi hành án là người nước ngoài, không rõ địa chỉ,... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng án tồn đọng kéo dài nhiều năm nhưng không có biện pháp giải quyết dứt điểm.

Mặt khác, một số vụ việc đã đủ điều kiện về thời gian nhưng giá trị còn lại trên 5 triệu đồng đến dưới 10 triệu đồng khi đề nghị giảm không được Tòa án, Viện Kiểm sát chấp nhận do không phù hợp với điểm a Khoản 3 Điều 61 Luật Thi hành án dân sự, thậm chí có những trường hợp đã đề nghị và được xét giảm đến dưới 10 triệu đồng phải dừng lại không được xét giảm tiếp mà phải đợi đủ thời gian 10 năm để xét miễn.

1.3. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên

Khó khăn hiện nay là chấp hành viên không có quyền khám người, thu giữ đồ vật, tài liệu, phương tiện của người phải thi hành án. Bởi vì trách nhiệm chính của chấp hành viên và cơ quan thi hành án là buộc người phải thi hành án thực hiện nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, hiện nay luật không quy định chấp hành viên được quyền khám người, đồ vật, tài liệu, phương tiện nên dù biết rõ người phải thi hành án có tiền và nhiều tài sản có giá trị ở trong người, chấp hành viên cũng không thể thực hiện việc khám xét. Nên bổ sung quyền chấp hành viên có quyền khám người thì sẽ thu được kết quả lớn trong quá trình thi hành án.

1.4. Nhận đơn, thụ lý đơn yêu cầu thi hành án

Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Thi hành án dân sự, trong thực tế có rất nhiều trường hợp, đơn yêu cầu thi hành án không đảm bảo đúng quy định tại Điều 31 Luật Thi hành án dân sự (chủ yếu là không có Thông tin về tài sản hoặc điều kiện thi hành án của người phải thi hành án). Điều này gây lúng túng trong quá trình thực hiện, Cơ quan Thi hành án dân sự không thể thụ lý, ra Quyết định thi hành án và cũng không thể thông báo từ chối nhận đơn yêu cầu thi hành án do Điều 34 quy định về từ chối nhận đơn yêu cầu thi hành án không quy định.

1.5. Biện pháp bảo đảm tạm giữ tài sản, giấy tờ của đương sự và tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản

Điều 68, 69 Luật Thi hành án dân sự rất khó thực hiện trong thực tiễn; việc xác định chủ sở hữu không thực sự dễ dàng, việc này phụ thuộc rất nhiều vào việc phản hồi của các cơ quan chức năng quản lý tài sản. Việc quy định thời hạn 15 ngày Chấp hành viên phải ra quyết định xử lý là rất khó khăn. Nhiều trường hợp hết 15 ngày vẫn chưa xác định được chủ sở hữu tài sản thì Chấp hành viên không thể áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án ngay được nên cần kéo dài thời gian này.

1.6. Tổ chức cưỡng chế thi hành án và áp dụng các biện pháp cưỡng chế

Theo quy định luật hiện hành, thì Chấp hành viên ra Quyết định giảm giá mỗi lần không quá 10% giá đã định và tiếp tục hạ giá thông báo bán tài sản cho đến khi giá tài sản không thấp hơn chi phí cưỡng chế, mà người được thi hành án không nhận tài sản thì mới được trả lại tài sản cho người phải thi hành án.

Trong thực tế, quy định này rất bất cập, không mang lại hiệu quả thiết thực, mà còn làm cho cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên phải tốn công, sức, tốn thời gian và đặc biệt là không có đủ kinh phí tạm ứng cho việc bán đấu giá. Đa số tài sản đã kê biên bán đấu giá là bị tồn đọng kéo dài không có người mua.

1.7. Vấn đề khiếu nại và giải quyết khiếu nại về thi hành án

Luật Thi hành án dân sự quy định cho người khiếu nại có các quyền và nghĩa vụ cụ thể để thực hiện quyền khiếu nại của mình. Nhưng Luật không quy định trách nhiệm của người khiếu nại nếu khiếu nại sai, không có căn cứ. Mặt khác, trong quá trình thi hành án. Tâm lý người phải thi hành án luôn cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, họ luôn mong muốn kéo dài thời gian thi hành án, tìm đủ mọi biện pháp để có thể hạn chế đến mức thấp nhất khả năng thiệt hại cho mình. Vì vậy, họ làm đơn khiếu nại có cùng nội dung được gửi nhiều nơi, nhiều lần đến nhiều cơ quan, thường đơn khiếu nại có nội dung không đồng tình theo Bản án, Quyết định của Tòa án, một số giai đoạn trong quá trình tổ chức thi hành án như: quyết định kê biên, cưỡng chế, định giá tài sản kê biên, chậm thi hành án, đương sự cho rằng quyền lợi của mình chưa được giải quyết thỏa đáng.

1.8. Một số bất cập khác:

- Điều 100 của Luật Thi hành án dân sự về giao tài sản để thi hành án thì việc giao tài sản để thi hành án phải có sự thỏa thuận được của các bên đương sự. Tuy nhiên, Điều 104 Luật Thi hành án dân sự về xử lý tài sản bán đấu giá không thành, trong trường hợp này Luật Thi hành án dân sự lại không quy định rõ là cần

có thỏa thuận của các bên đương sự không hay chỉ cần người được thi hành án đồng ý là cơ quan thi hành án thực hiện việc giao tài sản cho người đó để khấu trừ tiền thi hành án. Trong khi đó, hiện nay các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thi hành án dân sự cũng không quy định cụ thể thêm về vấn đề này. Do vậy, trường hợp giá tài sản đã giảm thấp hơn chi phí cưỡng chế mà người được thi hành án đồng ý nhận tài sản bán đấu giá không thành, nhưng người phải thi hành án không đồng ý giao, thì chưa có sở pháp lý để giao tài sản đó cho người được thi hành án.

2. Mọi quan hệ chông chéo, mâu thuẫn, trùng lặp giữa quy định của Luật Thi hành án dân sự với quy định của các luật, pháp lệnh, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan.

2.1. Những mâu thuẫn, chông chéo của Luật Thi hành án dân sự và các Nghị định, Thông tư, Thông tư liên tịch...hướng dẫn thi hành Luật này:

- Điều 101 của Luật Thi hành án dân sự quy định về thời hạn thông báo bán tài sản đối với bất động sản là 45 ngày, nhưng tại khoản 1 Điều 28 của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2011 quy định về thời gian niêm yết, thông báo việc bán đấu giá tài sản chậm nhất là ba mươi ngày trước ngày mở cuộc bán đấu giá. Như vậy về thời gian thông báo bán tài sản là không trùng khớp gây khó khăn cho việc xác định về thời gian thông báo bán tài sản để thi hành án.

2.2. Những hạn chế, vướng mắc của Luật Thi hành án dân sự do chưa quy định cụ thể, khó áp dụng, không phù hợp với thực tiễn hoặc cần phải được quy định, hướng dẫn cụ thể:

Điều 59 Luật Thi hành án dân sự quy định: “Trường hợp theo bản án, quyết định mà một bên được nhận tài sản và phải thanh toán cho người khác giá trị tài sản họ được nhận, nhưng tại thời điểm thi hành án, giá tài sản thay đổi và một trong các bên đương sự có yêu cầu định giá tài sản đó thì tài sản được định giá theo quy định tại Điều 98 của Luật này để thi hành án”. Tuy nhiên, điều luật lại không quy định cụ thể việc định giá để thi hành án chia theo tỷ lệ như thế nào, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này cũng chưa quy định chi tiết.

Điều 126 quy định về việc trả lại tiền, Điều 115 quy định về cưỡng chế trả nhà, giao nhà và Điều 117 quy định về cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất của Luật Thi hành án dân sự đã vướng phải một số bất cập, việc Chấp hành viên phải thông báo cho người có tài sản địa điểm, thời gian để họ nhận lại những tài sản đã bị tháo dỡ, di dời ra khỏi diện tích đất phải giao. Nếu hết thời hạn mà họ không nhận thì Chấp hành viên mới được xử lý theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 126 là bán tài sản hoặc khoản 3 Điều 26 là tiêu huỷ sau khi có Quyết định tiêu huỷ của Thủ trưởng cơ quan thi hành án nếu tài sản đó không bán được hoặc bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng.

Tuy nhiên, trong toàn bộ Điều 117 lại không quy định thời hạn cho phép để người có tài sản đến nhận lại trước khi tài sản bị xử lý theo Điều 126. Như vậy, Chấp hành viên sẽ ấn định thời gian như thế nào? có thể hiểu là thời hạn thông báo cũng là 03 tháng như quy định tại khoản 2 Điều 126 hay không? Nếu không hiểu như vậy thì Chấp hành viên sẽ lúng túng, còn nếu hiểu theo quy định đó thì cần xem xét lại câu chữ trong quy định tại điểm a khoản 2 Điều 117 bởi vì việc

dẫn chiếu như trong Điều luật quy định được hiểu là áp dụng toàn bộ Điều 126 Luật Thi hành án dân sự về thời hạn thông báo, xử lý tài sản.

Có thể hiểu rằng Điều 115 và Điều 117 Luật Thi hành án dân sự quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế đối với các nghĩa vụ thuộc trường hợp thi hành án theo đơn yêu cầu, đó là các nghĩa vụ trả nhà, giao nhà và nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng đất.

Trong các trường hợp cưỡng chế trên, các tài sản bị đưa ra khỏi nhà hoặc tài sản bị tháo dỡ, di dời khỏi diện tích đất phải giao mà người phải thi hành án hoặc người có tài sản không nhận tại buổi cưỡng chế thì cũng đều có chung một cơ chế xử lý đó là Chấp hành viên giao bảo quản đối với những tài sản đó rồi thông báo cho người phải thi hành án hoặc người có tài sản đến nhận. Nếu họ vẫn không nhận thì dẫn chiếu đến Điều 126 Luật Thi hành án dân sự để xử lý. Như vậy, có nghĩa là tài sản sẽ bị bán hoặc tiêu hủy. Sau khi bán tài sản, thu được một số tiền, Chấp hành viên lại tiếp tục thông báo để họ đến nhận tiền sau khi đã gửi tiết kiệm không kỳ hạn số tiền thu được từ việc bán tài sản.

Bất cập thể hiện rõ ở việc nếu như họ vẫn không đến nhận tiền thu được từ việc bán tài sản thì hết thời hạn 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án sẽ làm thủ tục sung quỹ Nhà nước.

Việc quy định mốc tính thời gian 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật là chưa hợp lý. Bởi trong thực tiễn, có những vụ việc thi hành án mà để đến khi đưa ra tổ chức cưỡng chế, đặc biệt là những vụ việc cưỡng chế trả nhà, giao nhà, cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất thì thời hạn tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là quá dài, thậm chí vượt quá 05 năm. Nếu như vậy thì sau khi cưỡng chế, những tài sản bị đưa ra khỏi nhà hoặc bị tháo dỡ, di dời mà người phải thi hành án hoặc người có tài sản không nhận thì sau khi hết thời hạn thông báo, Chấp hành viên có thể bán tài sản và làm thủ tục sung quỹ Nhà nước ngay số tiền thu được? Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người phải thi hành án và người có tài sản và sẽ không tránh khỏi việc khiếu nại phát sinh.

2.3. Những bất cập của Luật Thi hành án dân sự so với các Luật khác:

- Khoản 1, Điều 89 Luật Thi hành án dân sự quy định: "Trước khi kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu..., Chấp hành viên yêu cầu cơ quan đăng ký cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch, đăng ký" và tại khoản 1 Điều 111 có quy định: "Khi kê biên quyền sử dụng đất, Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án, người đang quản lý giấy tờ về quyền sử dụng đất phải nộp các giấy tờ đó cho cơ quan thi hành án dân sự". Theo Bộ luật Dân sự và Luật Đất đai năm 2003 thì thời điểm chuyển quyền sử dụng đất được tính từ khi đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, trong khi đó Luật Nhà ở năm 2005 quy định thời điểm chuyển quyền sở hữu nhà ở được tính kể từ khi hợp đồng mua bán được công chứng, chứng thực. Như vậy, nếu không xác định rõ phải áp dụng quy định nào để thực hiện kê biên tài sản để thi hành án thì Chấp hành viên rất dễ bị khiếu nại, có nguy cơ dẫn đến phải bồi thường.

3. Những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn công tác thi hành án dân sự chưa được pháp luật quy định và cần được pháp luật điều chỉnh

Thực tế hiện nay trong hoạt động thi hành án nảy sinh vướng mắc, đó là việc xử lý nhà ở của người phải thi hành án được xây dựng trên đất của người khác. Trong nhiều trường hợp, người phải thi hành án chỉ có tài sản duy nhất là ngôi nhà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhưng nằm trên đất mượn, cơ quan thi hành án dân sự đã tiến hành kê biên ngôi nhà để đảm bảo thi hành án, nhưng hầu như không thể xử lý tiếp được. Trong khi đó, Luật Nhà ở không cấm chủ sở hữu nhà đã có giấy chứng nhận quyền sở hữu tham gia các giao dịch. Khi các giao dịch này được thực hiện, phát sinh tranh chấp, sau đó có bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền, đến giai đoạn thi hành án, cơ quan thi hành án thường gặp phải khó khăn nêu trên.

- Trường hợp khác cơ quan thi hành án cũng gặp phải khó khăn tương tự đó là việc xử lý quyền sử dụng đất nhưng trên đất có nhà thuộc sở hữu của người khác. Đây là tình huống mà cơ quan thi hành án thường xuyên gặp phải trong quá trình tổ chức thi hành các bản án, quyết định mà để xử lý được thì mất nhiều thời gian, chi phí.

- Trong quá trình tổ chức thi hành án, người phải thi hành án có đủ điều kiện thi hành án nhưng vẫn cố tình chây ì, không tự nguyện thi hành; có trường hợp người phải thi hành án đã được Chấp hành viên giải thích pháp luật, động viên, giáo dục thuyết phục nhưng vẫn không tự nguyện thi hành, tỏ ra chống đối quyết liệt, có trường hợp còn lợi dụng quyền tự do dân chủ của công dân làm đơn khiếu nại, tố cáo gửi nhiều nơi, vượt cấp nhằm trì hoãn việc thi hành án.

- Ngoài những khó khăn do người phải thi hành án không tự nguyện thi hành, cơ quan Thi hành án còn gặp những trường hợp vướng mắc khác như: có vụ việc cơ quan Thi hành án đang tổ chức thi hành hoặc đã thi hành xong Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì bị Tòa án, Viện kiểm sát cấp có thẩm quyền yêu cầu hoãn, tạm đình chỉ để xem xét lại Bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và sau đó đưa ra xét xử lại với kết quả trái ngược nhau, dẫn đến tình trạng hoài nghi của các đương sự đối với việc xét xử và thi hành án, làm cho họ không an tâm khi thực hiện quyền và nghĩa vụ thi hành án. Thi hành án để đảm bảo tính nghiêm minh của các Bản án, quyết định của Tòa án, nhưng trên thực tế với những Bản án, quyết định có kết quả xét xử hoàn toàn trái ngược nhau đã gây không ít khó khăn cho cơ quan Thi hành án dân sự. Vì thế, lâu nay công tác thi hành án dân sự vẫn "loanh quanh" với vấn đề án không thể đưa ra thi hành trên thực tế, có nguyên nhân từ sự chưa rõ ràng, bất khả thi của các Bản án đã có hiệu lực pháp luật.

III. ĐỀ XUẤT NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2008 VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Những văn bản cần xây dựng mới

Để tránh tình trạng đùn đẩy, tránh trách nhiệm trong việc phối hợp, nhằm giúp cho hoạt động thi hành án dân sự đạt được hiệu quả, Luật Thi hành án dân sự cần quy định rõ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cho các cơ quan hữu quan trong việc phối hợp, tổ chức thực hiện; đồng thời phải quy định chế tài hành chính đối với các đơn vị, cá nhân có thẩm quyền không phối hợp, thực hiện những yêu cầu của cơ quan Thi hành án, Chấp hành viên, người được thi hành án trong việc tổ chức thi hành án.

- Về từng loại chi phí thông báo về thi hành án do người phải thi hành án, ngân sách nhà nước hoặc người được thi hành chi trả (khoản 4 Điều 39 Luật Thi hành án dân sự).

- Về chi phí xác minh điều kiện thi hành án do người được thi hành án phải chịu cụ thể về nội dung, mức thu, thủ tục thu, nộp khoản này (điểm a khoản 2 Điều 73 Luật Thi hành án dân sự).

- Cần có chính sách đãi ngộ thỏa đáng và cơ chế quy trách nhiệm đối với công tác phối hợp xác minh điều kiện thi hành án (Điều 44 Luật Thi hành án dân sự).

- Việc thi hành trả vật nhưng vật phải trả không có giá trị về tinh thần, vật chất hoặc những vật đã bị hư hỏng nặng, cơ quan thi hành án đã thông báo nhiều lần nhưng đương sự không đến nhận, dẫn đến tình trạng án tồn đọng, cũng như tang vật tồn kho ngày càng nhiều. Trường hợp này cần có văn bản hoặc hướng dẫn nên xử lý như thế nào để giảm lượng án và tang vật tồn đọng.

- Các Bộ, Ngành Trung ương (Tòa án, Viện Kiểm sát, Bộ Tư pháp) nên có văn bản hướng dẫn cho phép TAND khi xét xử các vụ tranh chấp ranh đất (đã cất vật kiến trúc, công trình phụ... hoặc diện tích nhỏ) thì nên tính ra giá trị tương ứng bằng tiền, tránh tình trạng tuyên trả đất sẽ rất khó hoặc không thể thi hành (do trả đất phải đập phá nhà, công trình phụ...), chi phí rất lớn và ảnh hưởng đến an ninh chính trị địa phương.

2. Theo các vấn đề được nêu trên đề xuất cần sửa đổi, bổ sung:

Cần sửa đổi Điều 44 của Luật Thi hành án dân sự theo hướng: để thuận tiện cho người dân, nên quy định cho người được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành xác minh và họ phải chịu chi phí, xem đây như một dịch vụ công về cung cấp thông tin và người được thi hành án không cần phải chứng minh họ đã xác minh mà không có kết quả.

Điều 44 của Luật cũng cần bổ sung quy định chế tài cho những cá nhân, tổ chức, cơ quan nắm giữ thông tin về điều kiện thi hành án dân mà không cung cấp thông tin khi người được thi hành án yêu cầu; bổ sung kinh phí cho cán bộ cấp xã tham gia vào việc xác minh, hỗ trợ công tác Thi hành án dân.

Cần phải sửa đổi bổ sung Điều 59 và văn bản hướng dẫn theo hướng: hạn chế quyền yêu cầu định giá của người nhận tài sản; quy định rõ biên độ giao động về giá làm cơ sở cho yêu cầu định giá của đương sự. Đồng thời, quy định rõ người phải chịu chi phí định giá, hạn chế việc yêu cầu định giá lại. Có như vậy thì quy định về yêu cầu định giá khi có sự thay đổi giá tài sản tại thời điểm thi hành án mới có ý nghĩa thực tiễn, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

- Về quy định xét miễn, giảm thi hành án theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 61 Luật Thi hành án dân sự 2008: Đối với các vụ việc mà đương sự có nghĩa vụ nộp khoản án phí có giá ngạch mà không có điều kiện thi hành án thì nên rút ngắn thời gian xem xét lại còn 05 năm (hiện nay là 10 năm), các trường hợp nộp án phí không có giá ngạch thì nên quy định 01 năm (hiện nay là 5 năm) mà không thực hiện được nghĩa vụ thì nên đưa ra xem xét miễn hoặc giảm thi hành án.

- Cần sửa đổi, bổ sung Điều 104 theo hướng cho Chấp hành viên ra Quyết định hạ giá không quá 03 lần và mỗi lần hạ giá không quá 20% giá trị tài sản đã định. Nếu Chấp hành viên hạ giá đến lần thứ 3 mà không có người tham gia mua, thì Chấp hành viên yêu cầu người được thi hành án nhận tài sản để khấu trừ nợ, nếu người được thi hành án không nhận thì Chấp hành viên trả lại tài sản cho người phải thi hành án và đồng thời trả lại đơn yêu cầu thi hành án.

Đề xuất giải quyết những bất cập từ Điều 115, Điều 117, Điều 126 nêu trên, theo hướng:

Thứ nhất, cần bổ sung quy định tại Điều 117 theo hướng quy định rõ thời hạn thông báo để đương sự, người có tài sản đến nhận lại tài sản trước khi dẫn chiếu đến Điều 126, việc dẫn chiếu cũng cần cụ thể, rõ ràng, tránh tình trạng khó hiểu, dẫn đến Chấp hành viên khó áp dụng. Cụ thể cần sửa đổi như sau:

Sửa đổi quy định: "*Hết thời hạn thông báo mà người có tài sản không đến nhận thì tài sản được xử lý theo quy định tại Điều 126 của Luật này*"

thành: "*Việc thông báo và xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 126 của Luật này.*"

Thứ hai, cần sửa đổi quy định tại Điều 126 Luật Thi hành án dân sự theo hướng quy định mốc tính thời gian để thực hiện việc sung quỹ Nhà nước số tiền mà đương sự không nhận là 05 năm kể từ ngày thông báo cho đương sự hoặc người có tài sản.

Cụ thể, sửa đổi quy định: "*Hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật mà đương sự vẫn không đến nhận số tiền đã được gửi tiết kiệm mà không có lý do chính đáng thì cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục sung quỹ nhà nước.*"

thành: "*Hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày thông báo mà đương sự vẫn không đến nhận số tiền đã được gửi tiết kiệm mà không có lý do chính đáng thì cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục sung quỹ nhà nước.*"

Việc sửa đổi như vậy sẽ dễ dàng hơn trong việc áp dụng mà không ảnh hưởng đến việc dẫn chiếu từ các quy định của Điều 115, Điều 117 đến áp dụng Điều 126 Luật Thi hành án dân sự.

Trên đây là báo cáo tổng kết thi hành Luật Thi hành án dân sự năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Cục THADS tỉnh ;
- Lưu: NC, HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Hiếu